TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v "Ly hôn giữa bà V với ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Võ Minh Quang.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 469/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trương Thị V, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Thành, huyện TT, tỉnh Long An.

*** Bị đơn:** Đinh Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Tre, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/10/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bà Trương Thị V trình bày:

Bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đồng thời có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến

Tre. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, ông Đinh Văn T không lo làm ăn, không lo xây dựng gia đình. Bà Trương Thị V cố gắng hàn gắn, thuyết phục nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng bà V, ông T đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay.

Hiện tại, bà Trương Thị V không còn tình cảm vợ chồng với ông Đinh Văn T nữa, nên bà V yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn T

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Đinh Ngọc T1, sinh ngày 01/10/2014, cháu T1 bị bệnh chậm phát triển, không nói chuyện bình thường được. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, đồng thời yêu cầu ông Đinh Văn T cấp dưỡng nuôi con cho bà V mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đinh Ngọc T1 chết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Định Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, tuy nhiên, bị đơn Đinh Văn T từ chối tham gia tố tụng, không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Ông T không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ thể hiện quan điểm của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Trương Thị V thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Đinh Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T.

Về nuôi con chung: Bà Trương Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Ngọc T1, sinh ngày 01/10/2014, để cháu T1 được đảm bảo điều kiện chăm sóc

từ bà Trương Thị V. Ông Đinh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị V khai không có, ông T cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Trương Thị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T bà V là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre đã triệu tập bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T đến Tòa án để hòa giải vụ việc, tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Tuy nhiên, ông T từ chối tham gia tố tụng, không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ việc, không cung cấp lời khai, ý kiến của ông T đối với yêu cầu ly hôn của bà V. Ông T không quan tâm đến kết quả giải quyết vụ việc của Tòa án, không có T chí hàn gắn tình cảm để đoàn tụ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T là rất nghiêm trọng

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bà V trong quá trình giải quyết vụ án, đủ cơ sở xác định đời sống vợ chồng giữa bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Đinh Ngọc T1, sinh ngày 01/10/2014, cháu T1 bị bệnh, không phát triển bình thường, do đó cần tiếp tục

giao cháu T1 cho bà Trương Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cháu T1.

Ông Đinh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trương Thị V mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ban hành bản án sơ thẩm cho đến khi cháu Đinh Ngọc T1 chết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị V khai không có, ông T cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về án phì hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị V đối với ông Đinh Văn T.

Cho ly hôn giữa bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị V với ông Đinh Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Trương Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Ngọc T1, sinh ngày 01/10/2014.

Ông Đinh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trương Thị V mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày ban hành bản án sơ thẩm cho đến khi cháu Đinh Ngọc T1 chết.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000459 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Trương Thị V đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự bà Trương Thị V, ông Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã PL
(Số 28/2012, quyển số 01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi